

Chi tiết mã HS 2005

Mã HS	2005
Mô tả hàng hóa	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06
Đơn vị	
Thời điểm tạo	01/11/2026 14:42:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/2005/

16 dòng thuế thuộc 2005

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2005.10.20	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Rau đông nhất: / - - Phù hợp dùng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ	kg	60%	40%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.10.30	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Rau đông nhất: / - - Phù hợp dùng cho mục đích ăn kiêng	kg	60%	40%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.20.11	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Khoai tây: / - - Dạng thanh và que: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (SEN)	kg	27%	18%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.20.19	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Khoai tây: / - - Dạng thanh và que: / - - - Loại khác (SEN)	kg	27%	18%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.20.91	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Khoai tây: / - - Loại khác: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.20.99	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Khoai tây: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.40.00	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Đậu Hà Lan (Pisum sativum)	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.51.00	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Đậu hạt (Vigna spp., Phaseolus spp.): / - - Đã bóc vỏ	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2005.59.10	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Đậu hạt (Vigna spp., Phaseolus spp.): / - - Loại khác: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.59.90	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Đậu hạt (Vigna spp., Phaseolus spp.): / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.60.00	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Măng tây	kg	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.70.00	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Ô liu	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.80.00	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Ngô ngọt (Zea mays var. saccharata)	kg	60%	40%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.91.00	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Rau khác và hỗn hợp các loại rau: / - - Măng tre	kg	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.99.10	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Rau khác và hỗn hợp các loại rau: / - - Loại khác: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ	kg	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
2005.99.90	Rau khác đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06 / - Rau khác và hỗn hợp các loại rau: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.